

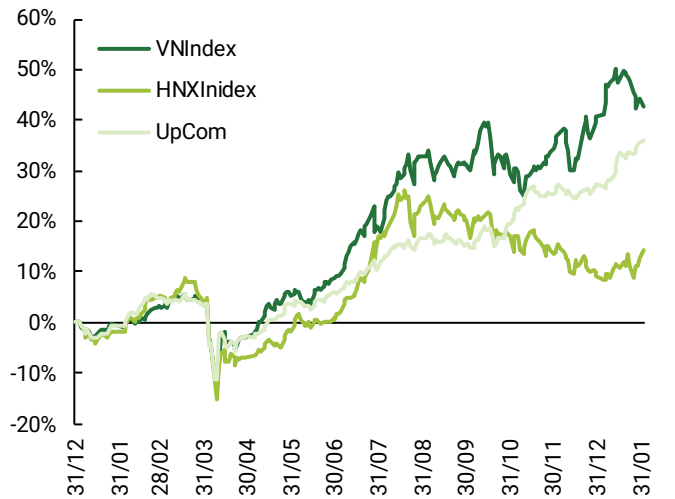
VN-Index **1806.5 (-1.23%)**
1055 Tr. cổ phiếu 32155.1 Tỷ VND (9.81%)

HNX-Index **260.39 (1.66%)**
94 Tr. cổ phiếu 2190.3 Tỷ VND (-7.75%)

UPCOM-Index **129.12 (0.05%)**
53 Tr. cổ phiếu 948.1 Tỷ VND (-53.95%)

VN30F1M **2004.90 (-1.48%)**
305,748 HD OI: 44,580 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1806.5, giảm -22.5 điểm (-1.23%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng chi phối ở VN30 trong khi HNXIndex giữ được sắc xanh.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tăng mạnh đầu phiên trong bối cảnh chứng khoán toàn cầu sụt giảm, trước lo ngại bong bóng định giá công nghệ trở lại, những biến động địa chính trị mới và triển vọng lãi suất tại Mỹ khi Tổng thống Trump vừa đề cử ông Kevin Warsh làm chủ tịch FED mới.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Dầu khí: BSR (+6.7%), PVD (+6.9%) | Bán lẻ: FRT (+3.3%), DGW (+6.9%) | Hóa chất: DCM (+3.4%), GVR (+4.9%) | Xây dựng và Vật liệu: CTD (+2.5%), PC1 (+3.3%), VGC (+4.8%) . Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Bất động sản: VHM (-7.0%), VIC (-7.0%), VRE (-7.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-5.5%), GEX (-4.6%) | Tiện ích: GAS (-2.1%), REE (-1.5%) | Tài nguyên Cơ bản: SMC (-6.9%), VPG (-4.4%), HSG (-2.2%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VCB, GVR, BID, BSR, CTG - Chiều giảm | VIC, VHM, VPL, MCH, TCB

Khối ngoại Bán ròng gần 2400 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, VHM, VCB, VRE, HPG, trong khi mua ròng BSR, VNM, MSN.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer, song thanh khoản duy trì ở mức thấp hơn bình quân 20 phiên hàm ý lực cầu mua lên chưa thuyết phục. Nhóm vốn hóa lớn chững lại gây áp lực lên chỉ số, trong khi dòng tiền hoạt động tích cực tại nhóm Midcap. Tuy nhiên, mức độ chọn lọc vẫn cao trên cơ sở định giá lại kỳ vọng. Về kỹ thuật, MACD và RSI có dấu hiệu cải thiện nhưng chưa phát tín hiệu rõ ràng, cho thấy diễn biến hiện tại nghiêng về củng cố lại đà phục hồi. Trong ngắn hạn, vùng kháng cự gần năm quanh mốc 1850 điểm, trong khi hỗ trợ cho xu hướng hiện nằm ở ngưỡng 1770 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Marubozu tiếp cận ngưỡng 260 điểm phù hợp kỳ vọng. Dù vậy, thanh khoản lại sụt giảm. Vận động có thể trở lại giằng co, củng cố thêm nền giá quanh đây.
- **Chiến lược:** Tỷ trọng chung nên được giữ ở mức trung bình, tập trung vào danh mục hiện có để cơ cấu phù hợp. Nếu xuất hiện cổ phiếu vi phạm, NĐT nên hạ bớt tỷ trọng, trường hợp các mã vẫn giữ được hỗ trợ có thể tiếp tục nắm giữ. Chiều mua mới chỉ phù hợp khẩu vị lướt sóng với vị thế nhỏ theo dòng tiền, ưu tiên các cổ phiếu vận động có sóng ngành. Nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Thực phẩm và đồ uống, Bán lẻ, Dệt may.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi ANV (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,806.5 ▼	-1.23%	-2.0%	1.2%	32,155.1 ▲	9.8%	-0.1%	43.7%	1,055.1 ▲	9.3%	-5.4%	49.6%
HNX-Index	260.4 ▲	1.66%	5.3%	4.7%	2,190.3 ▼	-7.7%	9.3%	68.1%	93.7 ▼	-3.5%	3.2%	58.1%
UPCOM-Index	129.1 ➡	0.05%	2.0%	6.7%	948.1 ▼	-53.9%	-34.9%	22.8%	52.8 ▼	-52.8%	-13.9%	24.1%
VN30	2,004.3 ▼	-1.3%	-1.4%	-1.3%	18,602.2 ▲	5.0%	9.5%	34.7%	424.3 ▲	5.2%	-1.4%	22.6%
VNMID	2,217.8 ▼	-0.4%	1.6%	0.0%	10,831.3 ▲	24.8%	-7.7%	62.6%	409.9 ▲	27.7%	-14.7%	58.6%
VNSML	1,496.6 ➡	0.20%	1.6%	1.4%	2,030.3 ▲	43.0%	0.0%	97.6%	122.6 ▲	32.3%	-6.7%	82.3%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	696.0 ➡	0.2%	0.42%	11.2%	7,883.4 ▲	4.09%	-1.3%	-22.6%	276.8 ▲	10.1%	0.9%	-19.1%
Bất động sản	682.4 ▼	-5.4%	-11.7%	-9.9%	4,599.4 ▲	5.5%	11.2%	-9.0%	153.6 ▼	-5.4%	8.0%	-2.0%
Dịch vụ tài chính	319.3 ▼	-1.2%	-1.3%	4.2%	3,036.1 ▲	15.0%	-8.3%	-27.2%	120.2 ▲	17.3%	-8.7%	-24.6%
Công nghiệp	262.2 ▼	-1.6%	-4.6%	-7.8%	1,462.9 ▲	45.0%	27.7%	-1.0%	43.6 ▲	58.5%	33.0%	13.5%
Tài nguyên cơ bản	527.4 ▼	-0.8%	0.3%	1.6%	1,485.6 ▼	-15.1%	33.8%	11.8%	62.3 ▼	-9.1%	33.8%	12.4%
Xây dựng - Vật Liệu	185.4 ➡	1.0%	-0.8%	2.4%	1,202.9 ▼	-10.4%	-9.2%	-5.5%	58.2 ▼	-6.8%	-12.5%	-4.4%
Thực phẩm	559.9 ▼	-0.1%	2.5%	1.8%	2,983.9 ▲	31.0%	15.2%	28.5%	59.2 ▲	32.3%	6.7%	18.0%
Bán Lẻ	1,733.5 ▲	1.7%	8.4%	7.3%	2,492.1 ▼	-2.8%	67.5%	133.4%	31.1 ▼	-1.3%	63.9%	111.2%
Công nghệ	555.5 ▼	-0.1%	3.1%	7.9%	1,263.4 ▼	-5.4%	-9.8%	7.9%	16.6 ▲	14.6%	5.9%	21.4%
Hóa chất	209.1 ▲	3.21%	4.4%	31.8%	1,076.3 ▲	20.6%	-0.5%	-4.7%	28.4 ▲	15.3%	1.0%	-4.6%
Tiện ích	936.1 ▼	-0.6%	9.5%	32.7%	1,176.7 ▲	53.8%	20.6%	35.2%	37.0 ▲	57.7%	35.8%	27.5%
Dầu khí	115.8 ▲	5.51%	8.7%	44.8%	2,040.8 ▲	46.5%	21.5%	40.4%	64.1 ▲	42.1%	24.3%	28.0%
Dược phẩm	452.1 ▼	-0.4%	1.0%	4.9%	49.6 ▼	-12.6%	-10.7%	0.3%	3.1 ▲	70.1%	24.8%	49.8%
Bảo hiểm	116.4 ▲	5.2%	-2.6%	14.7%	139.4 ▲	133.3%	43.9%	7.6%	2.6 ▲	108.0%	26.7%	-9.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,806.5 ▼	-1.23%	42.6%	17.8x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,321 ▼	-0.32%	-5.6%	14.2x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	7,923 ▼	-4.88%	11.9%	20.8x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,746	-	1.3%	16.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,297 ▼	-0.50%	-3.5%	10.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,016 ▼	-2.48%	19.8%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,776 ▼	-2.23%	33.5%	13.9x	1.5x
Nikkei 225	Nhật Bản	52,655 ▼	-1.25%	32.0%	22.8x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,939 ▼	-0.43%	18.0%	27.7x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,892 ▼	-0.36%	14.9%	25.3x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,233 ▬	0.09%	25.2%	15.4x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,942 ▼	-0.11%	21.4%	18.0x	2.5x
DXY		97.0 ▬	0.06%	-10.5%		
USDVND		26,020 ▬	0.37%	2.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

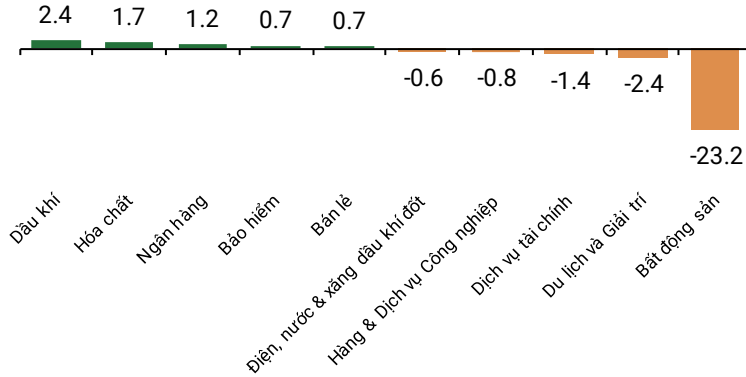
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-6.1%	9.2%	-11.1%	-13.5%
Dầu WTI	▼	-4.9%	8.5%	-13.2%	-14.2%
Khí gas	▼	-16.0%	1.1%	0.7%	20.1%
Than cốc (*)	▬	0.0%	0.0%	-10.6%	-4.6%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	0.2%	-5.6%	-5.2%
PVC (*)	▬	0.0%	0.0%	-11.5%	-12.4%
Phân Urea (*)	▲	6.3%	11.0%	22.6%	16.9%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.1%	1.8%	-6.3%	-7.2%
Bông Cotton	▼	-1.0%	-2.3%	-8.5%	-5.0%
Đường	▼	-0.5%	-2.7%	-26.3%	-26.6%
World Container Index	▼	-4.7%	-4.78%	-44.6%	-37.4%
Baltic Dirty tanker Index	▲	4.4%	41.0%	83.6%	94.3%
Vàng	▼	-4.3%	8.1%	78.4%	67.3%
Bạc	▼	-5.8%	10.3%	177.8%	156.5%

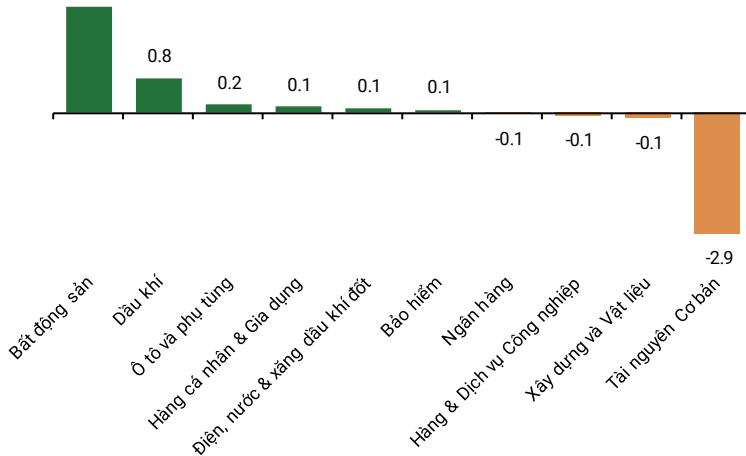
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

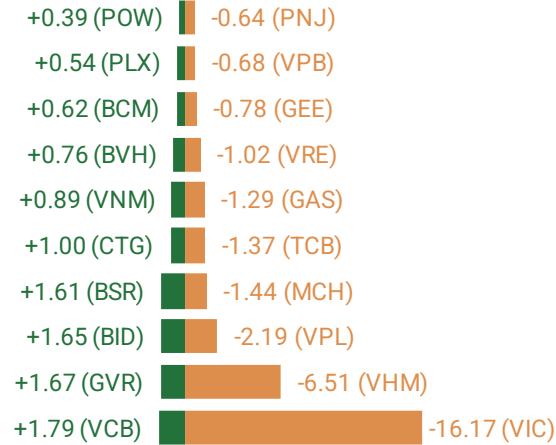
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



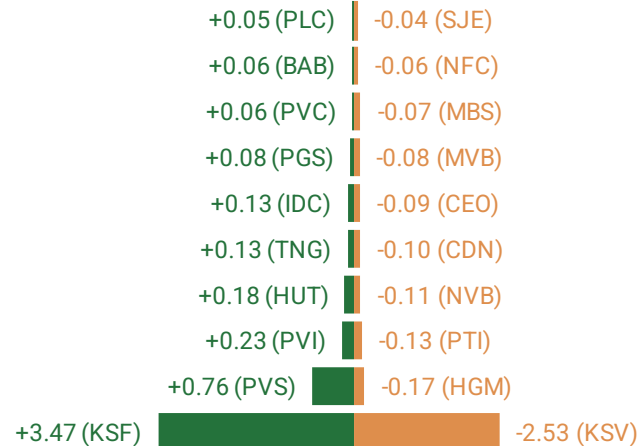
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

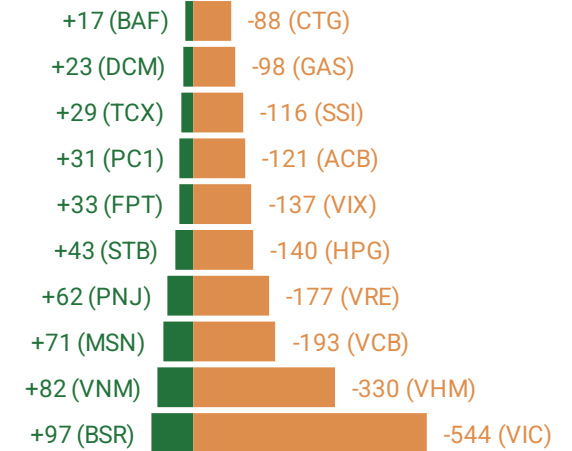


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

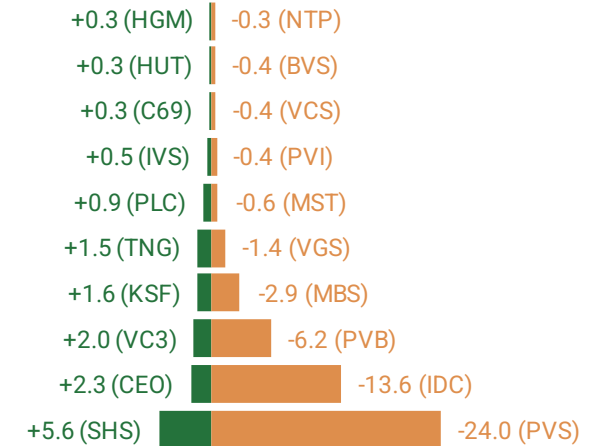


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



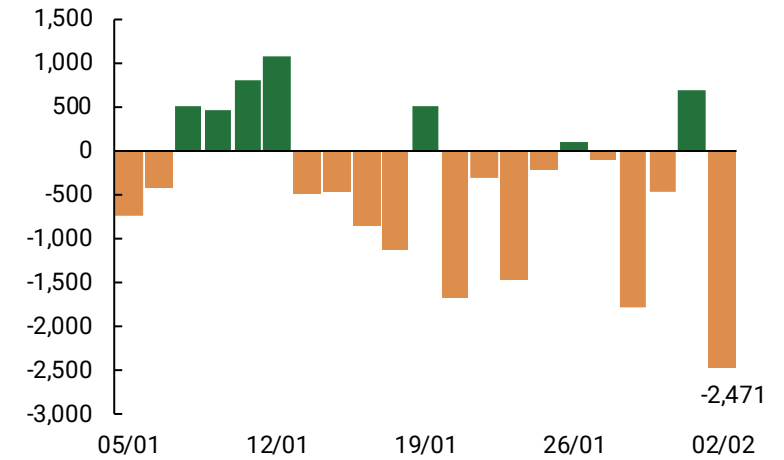
	VIC	MWG	HPG	MSN	FPT
%DoD	-7.0%	0.9%	-0.9%	-0.2%	-0.2%
Giá trị	1,372	1,284	1,167	990	963

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	MWG	SSB	STB	FPT	MSB
%DoD	0.9%	0.0%	0.8%	-0.2%	-1.6%
Giá trị	351	289	235	191	188

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



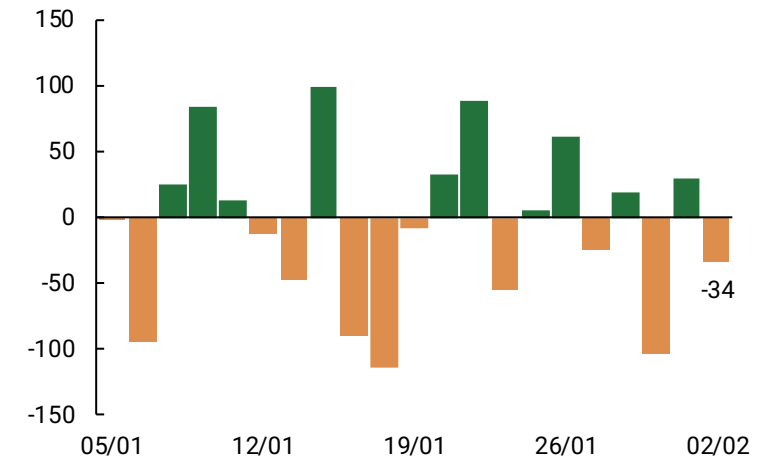
	PVS	SHS	IDC	CEO	TNG
%DoD	5.9%	0.5%	1.3%	-1.5%	8.7%
Giá trị	583	291	279	202	106

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	HUT	PVI	TIG	SHN
%DoD	0.5%	1.9%	2.1%	1.2%	-8.5%
Giá trị	63	15	5	5	3

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Hammer, vol giảm về dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1860 - 1880.
- ✓ Chỉ báo RSI cải thiện chưa rõ ràng, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số tiếp tục bật tăng và giữ được vùng hỗ trợ tâm lý 1800 điểm. Dù vậy, thanh khoản vẫn duy trì mức thấp hàm ý động lực mua lên chưa thuyết phục. Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng để xác nhận quay lại quán tính tăng. Trạng thái có lẽ vẫn nghiêng về giằng co kiểm định thêm xu hướng. Hiện kháng cự ở chiều hồi phục quanh ngưỡng 1850 – 1860 điểm trong khi hỗ trợ gần là ngưỡng 1770 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer, vol giảm dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1960 - 1980.
- ✓ Kháng cự: 2050 - 2060.
- ✓ Chỉ báo RSI cải thiện chưa rõ ràng, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.

➔ Chỉ số kiểm định tốt khu vực hỗ trợ tâm lý 2000 điểm. Dù vậy, vol vẫn duy trì mức thấp hàm ý dòng tiền lớn chưa nhập cuộc. Phản ứng có lẽ nghiêng về phục hồi kỹ thuật và xu hướng giằng co còn chi phối. Kháng cự trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 2050 – 2060 điểm, trong khi hỗ trợ gần là ngưỡng 1970 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	ANV	WATCH	Current price	29.30	P/E (x)	10.4
Exchange	HOSE		Watch zone	28 - 28.5	P/B (x)	2.2
Sector	Farming & Fishing		Target price	31.5	EPS	2829.0
			Cut loss price	26.4	ROE	24.1%
				Stock Rating	AA	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

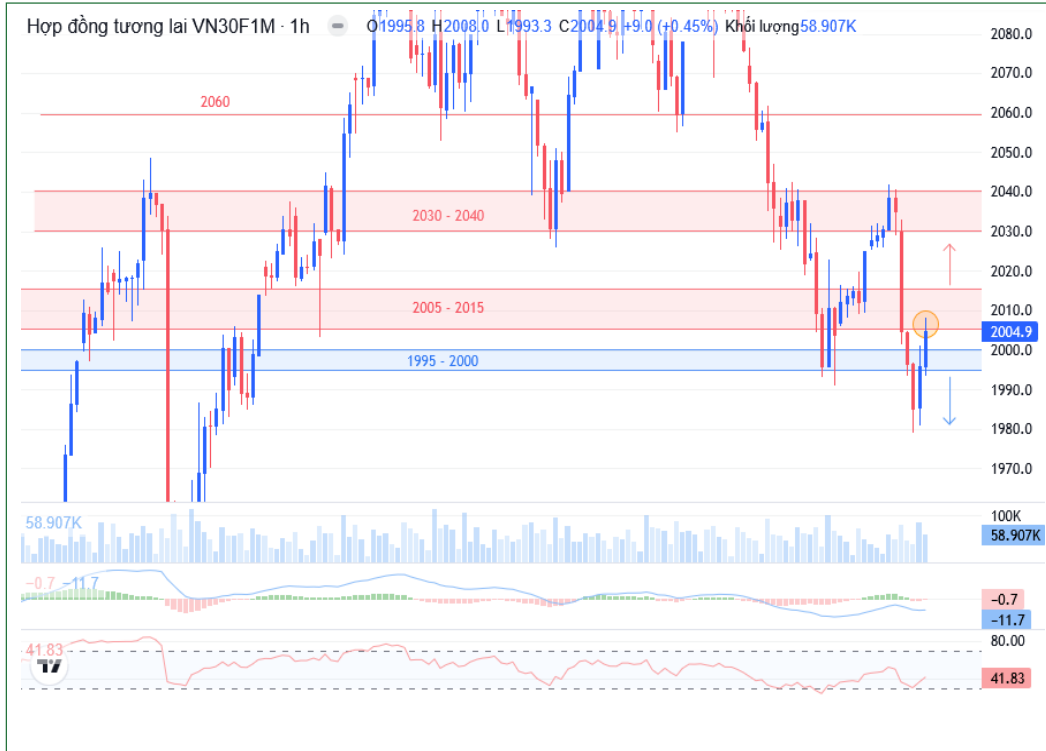
- Giá thoát khỏi hộp tích lũy 27 - 28.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cũng vận động trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng ổn định.
 - Thanh khoản tăng cho thấy lực cầu tham gia tốt.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn
- ➔ Xu hướng củng cố lại nền giá trong chiều đi lên.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá giữ vững trên ngưỡng 28.5 – 29 có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	ANV	Theo dõi	03/02/2026	29.3	28 – 28.5	-	31.5	11.3%	26.4	-6.7%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	ACV	Mua	22/01/2026	-	54.00	59 - 60	-9.2%	70.0	17.6%	54	-9.2%	
2	MSN	Mua	23/01/2026	-	83.80	79.4 – 79.9	5.2%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
3	FPT	Mua	26/01/2026	-	104.30	100 - 101	3.8%	112.0	11.4%	95.0	-5.5%	
4	PC1	Mua	30/01/2026	-	25.00	23.6 - 24	5.0%	26.5	11.3%	22.4	-5.9%	
5	TVN	Mua	30/01/2026	-	8.61	8.6 – 8.8	-1.0%	10.0	14.9%	8	-8.0%	
6	DCM	Mua	02/02/2026	-	37.85	36.2 – 36.6	4.0%	41.0	12.6%	34	-6.6%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2004.9, giảm 30.1 điểm (-1.5%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch. Nỗ lực phục hồi diễn ra vào cuối phiên chiều giúp giá giữ được trên mốc tâm lý 2000 điểm.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá cho thấy trạng thái phục hồi nhưng gặp khó khăn tại kháng cự 2010 - 2015. Bên cạnh đó, chỉ báo MACD, RSI cũng chưa cải thiện rõ ràng hàm ý áp lực điều chỉnh còn chi phối. Điểm vào lệnh nên chờ giá xác nhận thoát khỏi các biên sẽ tối ưu hơn. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 2016. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1994.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1867.6, giảm 35.2 điểm (-1.9%). Độ lệch basis -1.6 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 114 HĐ. Hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 1860, trong khi kháng cự ở chiều hồi phục là ngưỡng 1880 - 1885 điểm.

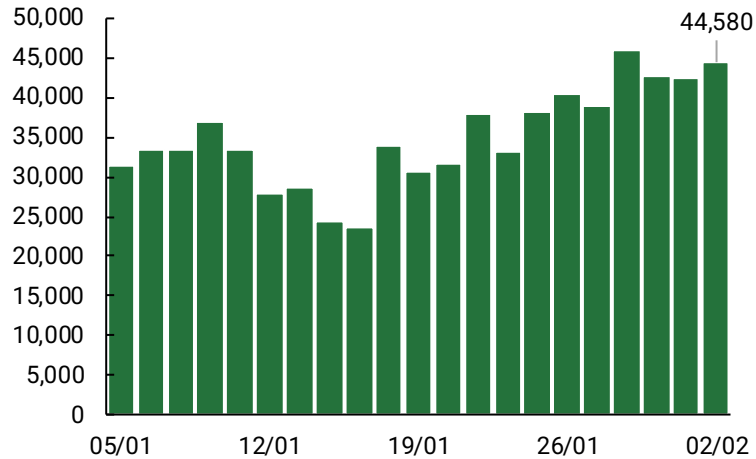
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2016	2030	2008	14 : 08
Short	< 1994	1982	2002	12 : 08

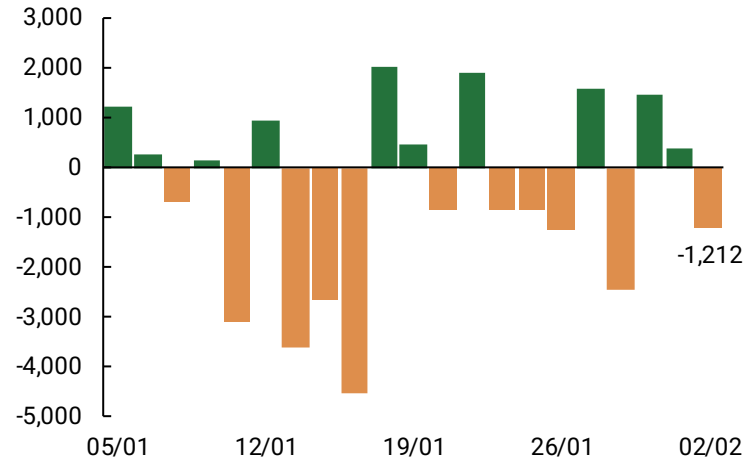
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,000.0	-33.3	36	127	2,016.8	-16.8	17/09/2026	227
4111G6000	2,005.0	-24.0	121	344	2,011.8	-6.8	18/06/2026	136
4111G3000	2,003.8	-26.7	976	2,162	2,006.8	-3.0	19/03/2026	45
4111G2000	2,004.9	-30.1	305,748	44,580	2,004.9	0.0	13/02/2026	11
4112G2000	1,867.6	-35.2	114	35	1,869.7	-2.1	13/02/2026	11

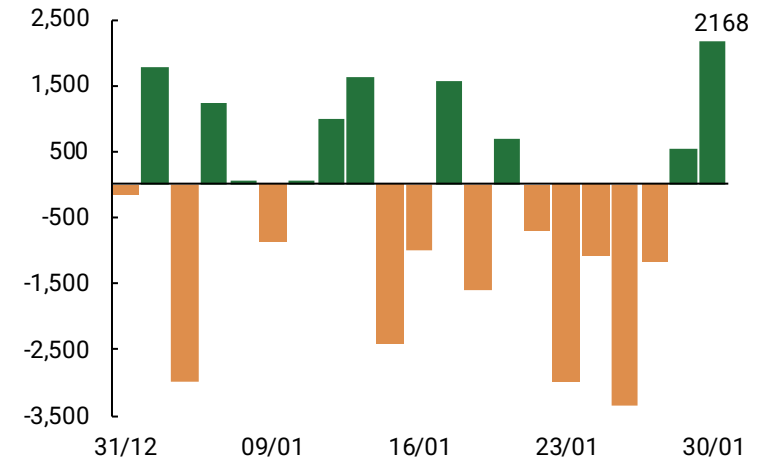
Khối lượng mở (Open interest)



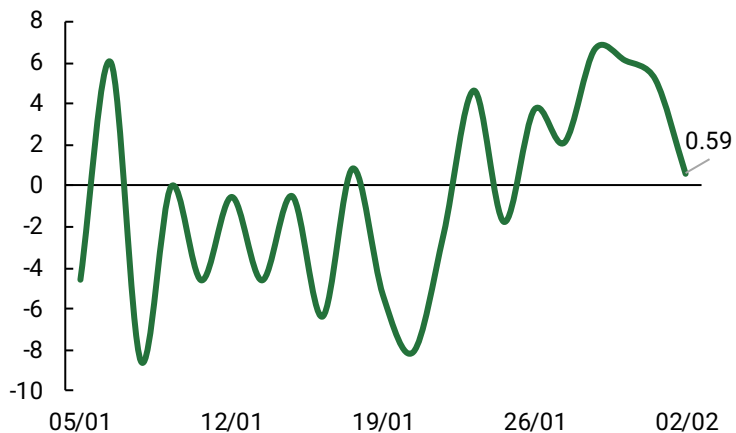
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



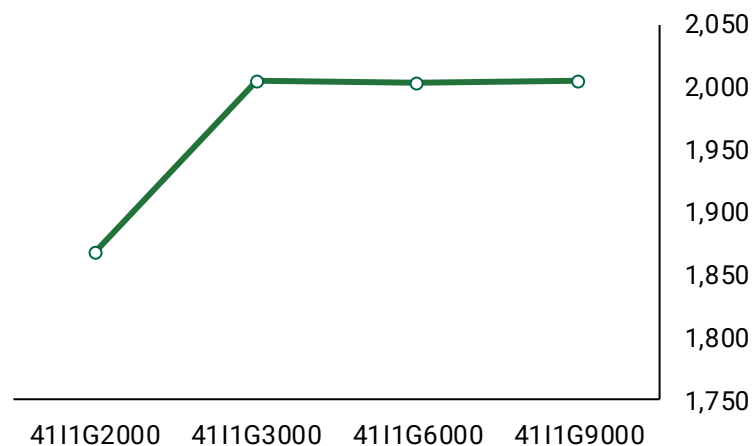
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



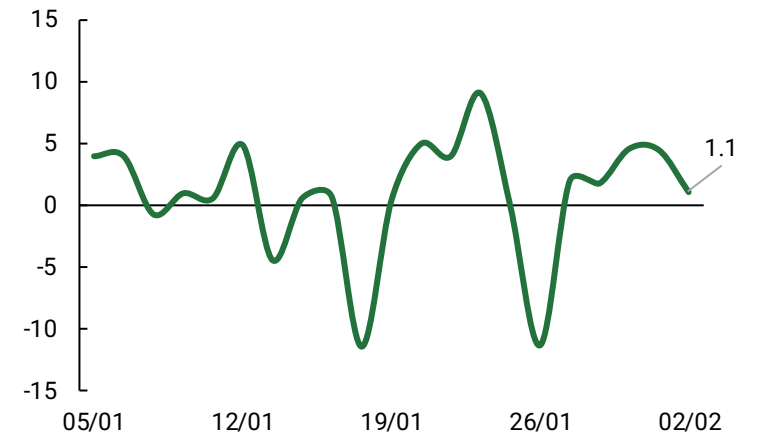
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	72,000	65,400	-9.2%	Giảm tỷ trọng
BCM	70,900	74,500	5.1%	Nằm giữ
CTG	39,350	45,200	14.9%	Tăng tỷ trọng
CTD	78,700	87,050	10.6%	Tăng tỷ trọng
CTI	23,850	27,200	14.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	52,900	68,000	28.5%	Mua
DDV	29,833	35,900	20.3%	Mua
DGC	67,300	99,300	47.5%	Mua
DGW	52,400	48,300	-7.8%	Giảm tỷ trọng
DPG	44,000	53,100	20.7%	Mua
DPR	41,550	46,500	11.9%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,445	17,200	38.2%	Mua
EVF	11,600	14,400	24.1%	Mua
FRT	175,500	157,600	-10.2%	Bán
GMD	68,200	77,000	12.9%	Tăng tỷ trọng
HAH	58,400	67,600	15.8%	Tăng tỷ trọng
HDG	27,650	34,500	24.8%	Mua
HHV	12,350	12,300	-0.4%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,550	34,200	28.8%	Mua
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nằm giữ
KDH	27,200	38,800	42.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	27,300	22,700	-16.8%	Bán
MSH	38,400	43,100	12.2%	Tăng tỷ trọng
MWG	93,700	99,600	6.3%	Nằm giữ
NLG	28,750	39,900	38.8%	Mua
NT2	26,750	27,700	3.6%	Nằm giữ
PHR	63,500	72,800	14.6%	Tăng tỷ trọng
PNJ	118,200	113,300	-4.1%	Giảm tỷ trọng
PVS	48,100	39,900	-17.0%	Bán
PVT	21,700	18,900	-12.9%	Bán
SAB	49,900	57,900	16.0%	Tăng tỷ trọng
SSI	30,800	39,200	27.3%	Mua
TLG	51,300	53,400	4.1%	Nằm giữ
TCB	35,000	35,650	1.9%	Nằm giữ
TCM	27,800	37,900	36.3%	Mua
TRC	77,000	94,800	23.1%	Mua
VCB	71,500	84,200	17.8%	Tăng tỷ trọng
VPB	27,600	37,000	34.1%	Mua
VCG	19,200	26,200	36.5%	Mua
VHC	69,200	60,000	-13.3%	Bán
VNM	72,600	66,650	-8.2%	Giảm tỷ trọng
VSC	21,350	17,900	-16.2%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/02 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Việt Nam – MSSI công bố danh mục
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP ước tính
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC
Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

OPEC+ tạm ngưng tăng sản lượng dầu đến hết quý 1/2026: Ngày 01/02, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) cho biết sẽ tiếp tục duy trì việc tạm dừng tăng sản lượng dầu tự nguyện đến hết quý 1/2026, thay vì khôi phục nguồn cung theo kế hoạch ban đầu.

Vàng, Bạc lao dốc: Giá vàng và bạc thế giới tiếp tục giảm mạnh trong phiên ngày 02/02, nối dài đà bán tháo mạnh từ cuối tuần trước khi đồng USD mạnh lên và giới đầu tư chốt lời sau chuỗi tăng kỷ lục. Đợt điều chỉnh mạnh bắt nguồn từ việc thị trường đánh giá lại định hướng chính sách tiền tệ, sau khi Tổng thống Donald Trump đề cử cựu Thống đốc Fed Kevin Warsh làm Chủ tịch Fed kế nhiệm ông Jerome Powell. Tại Việt Nam, giá vàng SJC đã giảm về 166 triệu đồng/lượng, sau khi có lúc vượt 191 triệu đồng hồi tuần trước.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

CTD - Coteccons có backlog kỷ lục hơn 60,000 tỷ: CTCP Xây dựng Coteccons công bố kết quả kinh doanh quý II năm tài chính 2026 (kỳ kế toán từ 1/10/2025 – 31/12/2025), ghi nhận kết quả khả quan và nối dài chuỗi tăng trưởng. Doanh thu thuần lần đầu tiên vượt mốc 10,000 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ năm ngoái. Hiệu quả được cải thiện khi lợi nhuận gộp đạt 371 tỷ đồng, là con số cao nhất trong 28 quý gần đây, tăng 84%. Lãi sau thuế 228 tỷ đồng, tăng 115% so với cùng kỳ. Giá trị trúng thầu trong quý II năm tài chính 2026 đạt khoảng 18,000 tỷ đồng, nâng tổng đơn hàng tồn đọng (backlog) chuyển tiếp lên đến 62,500 tỷ đồng, tiếp tục tái xác lập mức kỷ lục mới tương đương 2.4 tỷ USD.

POW - Lãi ròng PV Power gấp 10 lần cùng kỳ: Theo báo cáo tài chính quý IV/2025, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam ghi nhận doanh thu thuần nhích nhẹ so với cùng kỳ đạt hơn 8,700 tỷ đồng. Do giá vốn giảm giúp lãi gộp tăng mạnh 78% đạt 1,052 tỷ đồng. Điểm sáng khác là doanh thu tài chính tăng vọt lên 403 tỷ đồng (chủ yếu do lãi tiền gửi và cổ tức tăng). Sau khi trừ chi phí, công ty báo lãi sau thuế 688 tỷ đồng, gấp gần 7 lần quý IV/2024. Lợi nhuận ròng đạt 484 tỷ đồng, gấp hơn 10 lần cùng kỳ.

BSR lãi đậm nhờ crack spread thuận lợi: BSR ghi nhận doanh thu thuần quý 4/2025 hơn 37.6 ngàn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ. Giá vốn giảm 5% giúp Doanh nghiệp lãi gộp tới 3.6 ngàn tỷ đồng, gấp 17 lần nền thấp cùng kỳ. Lý giải cho sự bứt phá trên, phía BSR cho biết nguyên nhân chính đến từ khoảng cách giá giữa sản phẩm và giá dầu thô (crack spread) tốt hơn nhiều so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, sản lượng tiêu thụ cũng tăng từ 2 triệu tấn lên 2.1 triệu tấn. Lũy kế 12 tháng, doanh thu thuần đạt gần 142 ngàn tỷ đồng, tăng 15%; lãi ròng gần 5.2 ngàn tỷ, gấp 8.2 lần năm 2024.

DGC - Lợi nhuận Hoá chất Đức Giang giảm 17% trong quý IV/2025: Trong quý IV/2025, công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 2,740 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp trong kỳ chỉ đạt khoảng 716 tỷ đồng, giảm 19%, qua đó khiến biên lợi nhuận gộp thu hẹp mạnh từ 37% xuống còn 26%. Sau khi khấu trừ chi phí, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của DGC đạt xấp xỉ 657 tỷ đồng, thấp hơn 17% so với cùng kỳ năm trước. Theo giải trình của doanh nghiệp, lợi nhuận quý IV sụt giảm chủ yếu do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, bao gồm quặng, lưu huỳnh, điện và amoniac... Bên cạnh đó, việc gia tăng tỷ trọng quặng nhập khẩu trong kỳ đã khiến giá vốn tăng tới 32% so với cùng kỳ năm 2024, làm suy giảm hiệu quả kinh doanh dù doanh thu vẫn tăng trưởng.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415